

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C3 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122014200103 - C h c k t c u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010465	36C3	Nguy n Tr ã ng An	01/03/1994	3.0	3.0	5.0								3.7	1.9	2.0	1.0	2.8	
2	3641010327	36C3	L ² Qu c Anh	26/01/1994	8.0	9.0	9.0								8.7	4.4	8.0	4.0	8.3	
3	3641012008	36C3	Nguy n ã c C nh	19/03/1993	2.0	2.0	4.0								2.7	1.4	0.0	0.0	1.3	
4	3641010413	36C3	D ã ng H u Công	21/07/1993											0.0	0.0	0	0.0		
5	3641010342	36C3	Lê Hùng Công	17/08/1993	2.0	0.0	4.0								2.0	1.0	0.0	0.0	1.0	
6	3641010339	36C3	Nguy n ã c Công	20/09/1992											0.0	0.0	0	0.0		
7	3641012011	36C3	Tr n Ch' C ã ng	07/03/1993	6.0	6.0	6.0								6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
8	3641011989	36C3	L V ã Nh Ch ã ng	06/04/1994											0.0	0.0	0	0.0		
9	3641012075	36C3	Nguy n Ho ã ng Ch ã ng	26/03/1993	5.0	4.0	4.0								4.3	2.2	1.0	0.5	2.7	
10	3641011998	36C3	Nguy n Ho ã ng Di p	04/01/1993	9.0	7.0	9.0								8.3	4.2	7.0	3.5	7.7	
11	3641010360	36C3	Nguy n Thanh Duy	27/01/1994	3.0	3.0	7.0								4.3	2.2	1.0	0.5	2.7	
12	3641010343	36C3	Nguy n V ã Nh Duy	21/08/1993	1.0	0.0	6.0								2.3	1.2	0.0	0.0	1.2	
13	3641010499	36C3	Nguy n Tu n D H ã ng	01/01/1994	7.0	7.0	7.0								7.0	3.5	3.0	1.5	5.0	
14	3641012121	36C3	Bùi Hoàng D ã ng	15/01/1992	4.0	0.0	0.0								1.3	0.7	0.0	0.0	0.7	
15	3641010320	36C3	ñ Ng c ã t	10/02/1992	8.0	0.0	0.0								2.7	1.4	0.0	0.0	1.3	
16	3641010410	36C3	ñ H u ã i n	09/10/1994	7.0	1.0	6.0								4.7	2.4	2.0	1.0	3.3	
17	3641010365	36C3	Nguy n Ti n ã c	28/02/1992	5.0	5.0	8.0								6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
18	3641011994	36C3	Tr ã ng Anh ã c	11/06/1993											0.0	0.0	0	0.0		
19	3641010335	36C3	Lý Thanh H i	28/09/1993	3.0	2.0	7.0								4.0	2.0	0.0	0.0	2.0	
20	3641012020	36C3	Phan H ã ng H i	15/10/1994											0.0	0.0	0	0.0		

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C3 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122014200103 - C h c k t c u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3641010355	36C3	L ² Vấ H u	25/03/1994	6.0	5.0	5.0								5.3	2.7	5.0	2.5	5.2	
22	3641010405	36C3	B ỉ ấ nh Hi n	03/06/1993											0.0	0.0	0	0.0		
23	3641010364	36C3	Tr n Quang Hi u	15/09/1993											0.0	0.0	0	0.0		
24	3641012009	36C3	Nguy n H u Hi p	17/07/1994	5.0	7.0	6.0								6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
25	3641012050	36C3	Tr ng Nguy n Hoài	02/09/1994											0.0	0.0	0	0.0		
26	3641010332	36C3	Nguy n Thanh Hoàng	29/01/1994	2.0	2.0	5.0								3.0	1.5	3.0	1.5	3.0	
27	3641012021	36C3	Phan Minh Hòa	04/10/1992											0.0	0.0	0	0.0		
28	3641010420	36C3	Mai Vấ Hùng	20/09/1994	3.0	3.0	5.0								3.7	1.9	3.0	1.5	3.3	
29	3641010528	36C3	Nguy n T n Kha	20/02/1994	3.0	5.0	7.0								5.0	2.5	1.0	0.5	3.0	
30	3641012068	36C3	L ² Nguy n B o Khanh	07/10/1990											0.0	0.0	0	0.0		
31	3641010498	36C3	Nguy n H ng Long	10/04/1994											0.0	0.0	0	0.0		
32	3641010520	36C3	Nguy n L ² Tu n L i	29/10/1993	2.0	1.0	4.0								2.3	1.2	0.0	0.0	1.2	
33	3641012093	36C3	T Th ấ Luân	14/01/1993											0.0	0.0	0	0.0		
34	3641010385	36C3	Ho ấ Tr ng M n	21/01/1994	3.0	3.0	7.0								4.3	2.2	2.0	1.0	3.2	
35	3641010452	36C3	Lê Công M n	27/01/1993	4.0	1.0	3.0								2.7	1.4	0.0	0.0	1.3	
36	3641010502	36C3	Hà Công Nam	18/08/1993	5.0	5.0	7.0								5.7	2.9	7.0	3.5	6.3	
37	3641010361	36C3	Lê Hoài Nam	01/05/1987	5.0	7.0	7.0								6.3	3.2	3.0	1.5	4.7	
38	3641012016	36C3	Nguy n Th ấ Nghiêm	18/01/1994	2.0	2.0	7.0								3.7	1.9	0.0	0.0	1.8	
39	3641010402	36C3	Tr n Vấ Nghiêm	16/01/1993	5.0	4.0	7.0								5.3	2.7	1.0	0.5	3.2	
40	3641012039	36C3	L ² Vấ Ngh ấ	07/01/1994	3.0	1.0	7.0								3.7	1.9	0.0	0.0	1.8	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36C3 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122014200103 - C h c k t c u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3641010426	36C3	Nguy n Tr ng Nhân	25/12/1993	7.0	5.0	7.0								6.3	3.2	4.0	2.0	5.2	
42	3641012119	36C3	Ph m Thanh Nhân	02/10/1994											0.0	0.0	0	0.0		
43	3641010344	36C3	ấ Vấ Nh t	02/01/1994	3.0	1.0	5.0								3.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
44	3641010378	36C3	Nguy n Ho ồg Phúc	16/03/1991	3.0	5.0	6.0								4.7	2.4	4.0	2.0	4.3	
45	3641010522	36C3	Tr n Vấ Phúc	27/08/1994											0.0	0.0	0	0.0		
46	3641010334	36C3	Nguy n Ph m Ph ng	28/04/1994	3.0	1.0	7.0								3.7	1.9	2.0	1.0	2.8	
47	3641010494	36C3	ấ o ồ Minh Quang	20/11/1994	1.0	5.0	7.0								4.3	2.2	2.0	1.0	3.2	
48	3641010516	36C3	Lê Xuân Quy t	03/03/1993	4.0	4.0	7.0								5.0	2.5	1.0	0.5	3.0	
49	3641010444	36C3	ấ o ồ C ồ ng Sang	28/02/1994	9.0	8.0	10.0								9.0	4.5	8.0	4.0	8.5	
50	3641010417	36C3	Kinh Quang Sang	27/09/1994	5.0	2.0	4.0								3.7	1.9	0.0	0.0	1.8	
51	3641010337	36C3	Nguy n Vấ S n	11/10/1993	4.0	0.0	0.0								1.3	0.7	0.0	0.0	0.7	
52	3641010497	36C3	Vồ Ho ồg S n	01/11/1993											0.0	0.0	0	0.0		
53	3641010442	36C3	Tr n ấ c Tài	19/07/1994	3.0	2.0	7.0								4.0	2.0	0.0	0.0	2.0	
54	3641010521	36C3	Tr ng Vấ T o	26/08/1992	2.0	2.0	7.0								3.7	1.9	2.0	1.0	2.8	
55	3641010324	36C3	Hu ồnh ấ c Tr' Tâm	18/11/1993											0.0	0.0	0	0.0		
56	3641010412	36C3	Tôn Thanh Tâm	08/10/1994	10.0	9.0	10.0								9.7	4.9	7.0	3.5	8.3	
57	3641010353	36C3	Tr n Minh Tân	04/04/1993	5.0	3.0	7.0								5.0	2.5	1.0	0.5	3.0	
58	3641010374	36C3	Tr n Ho ồg T n	09/06/1994											0.0	0.0	0	0.0		
59	3641010372	36C3	Nguy n ấ c Ti n	02/07/1993	5.0	5.0	6.0								5.3	2.7	8.0	4.0	6.7	

B NG ấI M H C PH N - M ỚN TH ấ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C3 N¹ h c : 2012-2013 ñ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ñT : **H c ph n** : 122014200103 - C h c k t c u **H c km** : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH i NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
60	3641010513	36C3	Hu m h L ² Trung Tí nh	16/10/1994											0.0	0.0	0	0.0		
61	3641012004	36C3	ñ ng Tr ng Minh To à n	19/09/1993											0.0	0.0	0	0.0		
62	3641010348	36C3	ñ o ã V Ñ h Tu n	03/08/1991	2.0	3.0	0.0								1.7	0.9	0.0	0.0	0.8	
63	3641010511	36C3	Nguy n Tu n	12/09/1994											0.0	0.0	0	0.0		
64	3641010477	36C3	Nguy n V Ñ h Tu n	11/09/1994	5.0	4.0	6.0								5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
65	3641010387	36C3	Lê T ù ng	03/03/1993											0.0	0.0	0	0.0		
66	3641010386	36C3	Ph m L ² T ng	21/12/1994	7.0	6.0	8.0								7.0	3.5	4.0	2.0	5.5	
67	3641010448	36C3	Phan Ng c T	22/03/1993	6.0	1.0	9.0								5.3	2.7	3.0	1.5	4.2	
68	3641010496	36C3	Nguy n Tr ng Thanh	17/05/1991	4.0	4.0	8.0								5.3	2.7	2.0	1.0	3.7	
69	3641010395	36C3	Tr n Minh Thanh	02/03/1994											0.0	0.0	0	0.0		
70	3641010389	36C3	Nguy n Ti n Th à nh	21/08/1993	5.0	2.0	6.0								4.3	2.2	4.0	2.0	4.2	
71	3641010345	36C3	Ph m T n Th à nh	18/10/1994											0.0	0.0	0	0.0		
72	3641010489	36C3	Nguy n Qu c Th ng	16/07/1991	9.0	5.0	8.0								7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
73	3641010487	36C3	Nguy n V Ñ h Th ng	10/10/1993	5.0	3.0	7.0								5.0	2.5	0.0	0.0	2.5	
74	3641010347	36C3	Võ Minh Th ng	01/09/1992											0.0	0.0	0	0.0		
75	3641010325	36C3	L u Xu ^a n Th à nh	21/04/1990	3.0	8.0	8.0								6.3	3.2	4.0	2.0	5.2	
76	3641012007	36C3	ñ ng Quang Th nh	19/04/1993	5.0	2.0	6.0								4.3	2.2	0.0	0.0	2.2	
77	3641010366	36C3	Nguy n B ^{''} Th	14/08/1994	2.0	1.0	0.0								1.0	0.5	0.0	0.0	0.5	
78	3641010515	36C3	Nguy n Vi t Thu n	15/02/1993											0.0	0.0	0	0.0		
79	3641012104	36C3	Nguy n V Ñ h Th y	22/04/1994	0.0	0.0	3.0								1.0	0.5	0.0	0.0	0.5	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c :

L p h c : 36C3

Nĩm h c : 2012-2013

ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT :

H c ph n : 122014200103 - C h c k t c u

H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
80	3641010468	36C3	Tr n Trung	Trinh	20/11/1992	3.0	1.0	6.0							3.3	1.7	4.0	2.0	3.7	
81	3641010415	36C3	Huinh Vi t	Trình	01/01/1994										0.0	0.0	0	0.0		
82	3641012069	36C3	Nguy n Hi u	Vi t	07/02/1993										0.0	0.0	0	0.0		
83	3641010445	36C3	Tr n Tr ng	Vinh	11/05/1994	6.0	4.0	5.0							5.0	2.5	1.0	0.5	3.0	
84	3641010500	36C3	Ph m Duy	VB	20/03/1994										0.0	0.0	0	0.0		
85	3641010368	36C3	Vô Nguyên	VIO	21/11/1994										0.0	0.0	0	0.0		

T ng s : 85 h c sinh sinh vi²n

Tr ng Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Tp.HCM, ngày / /

Gi" o V Khoa